

HOA NGHIÊM KINH THÁM HUYỀN KÝ

QUYỂN 5

Phẩm 9: PHẬT THĂNG TU DI ĐÁNH

Đem giải thích văn này, có bốn môn như trước.

A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI có hai:

1) Tên gọi của Hội, dựa theo pháp gọi là Hội Thập Trú, dựa theo nơi chốn gọi là Hội Đạo Lợi Thiên, dựa theo giải thích có thể biết.

2) Tên gọi của Phẩm, Phật là Hóa chủ động tĩnh vô ngại, không đi mà tới cho nên gọi là Thăng. Lên cao đến nơi nào? Đó là đỉnh núi Tu-di. Tu-di, Trung Hoa nói là núi Diệu Cao, nghĩa là do bốn loại quý báu mà làm thành cho nên nói là Diệu, đó là phía Đông vàng ròng-phía Tây bạc trắng-phía Nam pha lê-phía Bắc mã não, các núi khác chỉ có vàng cho nên không phải là Diệu; một mình vượt ngoài chín núi cho nên nói là Cao, cao tám vạn bốn ngàn Do-tuần, dài-rộng bằng nhau, cũng gọi núi An Minh. Đỉnh là đỉnh núi, nghĩa là chính giữa đỉnh núi này có cung của Đế Thích, bốn mặt đều có tám khối đất như đài cao, cách cung của Đế Thích trong ba Do-tuần có riêng cung thành của 32 cõi trời phụ giúp Đế Thích, cùng với cung của Đế Thích là 33. Nay đi đến cung của Đế Thích cho nên nói là Đỉnh. Dựa theo nơi chốn biểu thị cho pháp, trình bày về Thập Trú thành tựu phần vị thù thắng không lui sụt, cho nên ở trên đỉnh núi, tức là thuận theo ba nghĩa về con người- tác dụng và nơi chốn mà lập ra tên gọi.

Hỏi: Sao không thuyết pháp ở trong loài người?

Đáp: Bởi vì hiển bày về phần vị của Hành dần dần tiến lên cao, lại biểu thị cho thành tựu phần vị lìa nhiễm cho nên ở cõi trời.

Hỏi: Sao không đến cõi trời Tứ Thiên Vương?

Đáp: Có ba ý: 1) Bởi vì cõi ấy là quỷ- thần-trời xen lẫn, hiển bày về pháp không phải là thù thắng cho nên vượt lên trên; 2) Bởi vì dựa vào pháp mà Thập Tín là phần vị lui sụt thuộc ngoại phạm, Thập Trú là phần vị không lui sụt thuộc nội phạm, muốn biểu hiện về tiến-lùi khác

xa nhau cho nên vượt qua cõi trời Tứ Thiên Vương; 3-Nếu chưa đến đỉnh núi thì có thể có tiến-lùi, đến trên đỉnh núi thì an trú không lui sụt, vì thế cho nên vượt qua cõi trời ở lưng chừng núi kia đến nơi đỉnh này để biểu thị cho pháp.

B. Ý đưa ra cũng có hai:

1) Đưa ra Hội, một là đáp câu hỏi về Thập Trú trước đây; hai là trước đây đã trình bày về Tín, nay hiển bày dựa vào Tín phát khởi về Giải cho nên tiếp tục đưa ra; ba là Tín trước đây chỉ là phương tiện trước phần vị, phương tiện đã đầy đủ, phần vị chính thức hiển bày rõ ràng cho nên tiếp tục đưa ra.

2) Đưa ra Phẩm, phẩm trước phân rõ về Tín đến cuối cùng, nay sắp đi đến phần vị sau cho nên đưa ra.

C. TÔNG THỨ cũng có hai:

1) Tông của Hội cũng có hai: a) Dựa theo người, đó là Hóa chủ và Trợ hóa, đều có Thể-Tướng-Dụng, dựa vào Tín thì Trú có thể biết; b) Dựa theo pháp, đó là giáo nghĩa của Thập Trú, trong Nghĩa thì lấy pháp giới bình đẳng làm Thể, phần vị thực hành của Thập Trú làm Tướng, thuận theo giáo đã nói ra làm Dụng; trong Giáo thì lấy sáu quyết định làm Thể, Thập Trú không giống nhau làm Tướng, lợi ích cho căn cơ làm Dụng. Tướng tức vô ngại, dựa theo trên để suy nghĩ điều đó.

2) Tông của Phẩm là dùng nơi chốn trang nghiêm thỉnh cầu Đức Phật, Như Lai hưởng đến cảm ứng làm Tông.

D. GIẢI THÍCH VĂN: Ngay trong Hội này có sáu phẩm phân hai: Hai phẩm đầu trình bày về phương tiện phát khởi tức là phần Tựa, bốn phẩm còn lại là Chánh tông của Hội này.

Trong phần trước có hai: Phẩm đầu là Tựa về Như Lai ứng cảm trình bày quả đức đầy đủ; phẩm sau trình bày Tựa ca ngợi ánh sáng quy tụ chúng trình bày về nhân đức tròn vẹn, tức là hiển bày trong phần vị Thập Trú đầy đủ nhân quả vốn là tông tròn vẹn đầy đủ.

Trong phẩm trước có ba: Một là phân rõ về hóa duyên; hai từ “Nhĩ thời Đế Thích...” trở xuống là căn dục trang nghiêm; ba từ “Nhĩ thời Thế tôn...” trở xuống là trình bày về căn duyên kế hợp.

Trong phần một có hai: Trước là Thể dung hòa rộng khắp pháp giới; sau là trình bày về Dụng dung hòa, nghĩa là không chuyển động mà tiến lên.

Trong phần trước: Một câu đầu trình bày về nguyên cơ của Thể dung hòa, đó là Phật lực; phần sau trình bày về Tướng dung hòa khắp nơi. Trong đó mười phương đều có Diêm-phù-đề của mỗi một phương...,

là phẩm Quang Minh Giác trên đây đã phân rõ. Mười phương đều có... cho đến trong thế giới như bất khả thuyết-bất khả thuyết hư không pháp giới..., đều có Phật Lô-xá-na dưới tán cây Bồ-đề, đều cùng với Hải hội chúng Bồ-tát và Văn Thù Sư Lợi cho đến Hiền Thủ..., tất cả đều thuyết pháp. Bởi vì các Hội chúng đều không xen tạp, cho nên nói là tự tại. Nay đều cùng lúc quy tụ chúng, đều lên cao trên cõi trời của cõi mình, mà không lìa xa nơi chốn của mình. Nếu dựa theo trong Tiểu thừa-Tam thừa... nói thì trải qua thi thiết giáo hóa, chỉ luận về nơi nào đó..., không có một nói-tất cả nói... như ở đây. Nay muốn trình bày về pháp Nhất thừa, tức là chủ-bạn viên minh bởi vì pháp như vậy. Trong đó: 1) Ba thế gian dung hòa; 2) Y và Chánh dung hòa; 3) Ở trong Chánh báo có Tam Bảo dung hòa với nhau, nghĩa là nói các loại pháp là Pháp bảo, Bồ-tát là Tăng, bởi vì hướng về Như Lai; 4) Đối với các Bồ-tát có ba nghiệp dung hòa, đó là biểu hiện rõ ràng là thân, thuyết pháp là ngữ, tự mình nói là ý.

Hỏi: Sao cần phải quy tụ chúng này?

Đáp: Muốn trình bày đầy đủ chủ-bạn, bởi vì hễ một pháp khởi lên thì cần phải có đủ tất cả.

Hỏi: Tại sao đều lấy cây Bồ-đề làm căn bản?

Đáp: Bởi vì là nơi đạt được pháp đầu tiên, lại bởi vì là cửa ngõ giác ngộ.

Thứ hai là trong Dụng dung hòa, một câu đầu là nguyên cố của Dụng dung hòa, tiếp đến không rời khỏi... là chính thức trình bày về tướng của Dụng. Trong này, không rời khỏi nơi này mà lên cao trên cõi kia, người xưa có ba cách giải thích: Một nói rằng thân Thích-ca vốn có không rời khỏi cây Bồ-đề mà khởi lên thân ứng hóa khác để lên trên cõi trời. Nếu theo cách giải thích này thì thân lên trên cõi trời là trở lại Hóa thân, đã không phải là sâu xa vi diệu, sợ rằng trái với ý văn. Một nói rằng không rời khỏi là Pháp thân, lên trên cõi trời là dụng của Hóa thân. Điều này sợ rằng không hợp lý, lẽ nào có thể Pháp thân an tọa nơi cõi Bồ-đề? Một nói rằng lên trên cõi trời này là không hướng về mà đến, bởi vì hướng về tức là không hướng về, cho nên không rời khỏi; không hướng về tức là hướng về, cho nên lên trên cõi trời; như tướng không đến mà đến gọi là thiện lai... Nếu theo cách giải thích này thì chỉ là không có tướng lên cao mà lên trên cõi trời, không phải là dưới cõi cây này có thân không rời khỏi, cho nên cũng khó mà sử dụng. Nay giải thích văn này sơ lược có tám nghĩa:

1) Dựa theo Xứ tức là tìm được lối vào, nghĩa là bởi vì trong một

Xứ có tất cả Xứ, cho nên cung trời... này tức là xưa nay ở trong phần dưới tán cây chúa kia, cho nên nói là không rời khỏi. Nhưng trước chưa sử dụng Xứ của cung trời này, nay muốn ở trong đó thuyết pháp, bởi vì sử dụng cho nên nói là lên cao. Lại ngay trong nhau cho nên không rời khỏi, môn riêng biệt cho nên có lên cao.

2) Dựa theo Phật, nghĩa là thân Phật an tọa dưới tán cây chúa này tức là tất cả Xứ khắp pháp giới, vì vậy thân Phật xưa nay ở các Xứ như cõi Đạo Lợi... kia, cho nên không cần phải rời khỏi, nay muốn dùng Phật trong môn Đạo Lợi này cho nên nói lên cao. Vì vậy nếu rời khỏi thì không thành lên cao.

3) Dựa theo Thời, nghĩa là bởi vì thân Phật trên tòa dưới tán cây này tức là tất cả mọi lúc thuộc chín đời-mười đời như khắp thời gian trước sau... Vì vậy lúc Phật an tọa dưới tán cây này lên trên cõi trời, lúc đi cho đến lúc ở cõi trời, mỗi một lúc này đều khắp pháp giới thâm nhiếp tất cả thời gian trước sau, tức là biết lúc an tọa dưới tán cây, pháp vĩnh viễn không có lúc rời khỏi, nói là không rời khỏi. Nếu lúc đang đi thì cũng như vậy, cho nên chỉ có đi chứ không có gì khác, đều niệm niệm không cùng nhau đến, tất cả đều thu vào pháp giới, như vậy môn duyên khởi vô ngại luôn luôn không xen tạp.

4) Dựa theo Pháp giới môn, nghĩa là sự lên cao này loại trừ không có tự tánh, cho nên đã thâm nhiếp Chân như pháp giới. Bởi vì an tọa dưới tán cây ấy... cũng không khác với Chân như, giống với Chân như hiển bày rõ ràng ở môn trước, cho nên không rời khỏi mà lên cao.

5) Dựa theo Duyên khởi môn, nghĩa là ngồi do đi mà ngồi, ngồi quyết định ở trong đi; đi do ngồi mà đi, đi quyết định ở trong ngồi. Vì vậy do ngồi trong đi cho nên lên trên cõi trời tức là không rời khỏi, do đi trong ngồi cho nên không rời khỏi mà lên trên cõi trời. Đi và ngồi vô ngại cho nên tức là lên cao mà thường ngồi, tức là ngồi mà luôn luôn lên cao.

6) Dựa theo đức không thể nghĩ bàn của Phật, nghĩa là không rời khỏi nơi này mà ngồi tức là đi-tức là nằm-tức là đứng, tức là đến tất cả nơi chốn, tức là làm tất cả sự việc, đều không phải là sự nhận biết của Địa dưới.

7) Dựa vào pháp đã biểu hiện, nghĩa là biểu hiện phần vị trước thực hành thành tựu đến cuối cùng kiên cố không hoại, cho nên nói là không rời khỏi tòa ngồi trước đây, mà có công dụng đến với căn cơ, cho nên nói là lên cao.

8) Dựa theo Hội thành tựu, nghĩa là Hội sau nhất định phải đầy đủ

Hội trước, cho nên không rời bỏ trước mà thành tựu sau; nếu rời bỏ thì hư hoại duyên khởi, vì vậy không rời khỏi thời gian trước mà lên cao ở thời gian sau.

Thứ hai trong phần căn dục trang nghiêm, từ xa trông thấy Đức Phật đến, là dựa theo Phật thì Dụng từ Thể khởi lên, dựa theo cơ-cảnh vốn là từ tâm mà hiện. Trong đó có hai: 1-Trang nghiêm pháp tòa biểu thị cho tướng, trong đó trước là tổng quát-sau là riêng biệt, trong riêng biệt thì đầu là Báo bên ngoài-sau là Báo bên trong. 2-Từ “Hiệp chưởng...” trở xuống là phân rõ về mong muốn của căn.

Thứ ba trong phần căn duyên khế hợp cũng có hai: Trước là lợi ích lên cao trên cung điện, sau là lợi ích lên cao trên pháp tòa. Trong phần trước có hai: Một là cảm ứng đi đến, hai là thành tựu lợi ích. Hai phần này đều có hai, đó là cõi này và kết luận nối thông.

Trong lợi ích có hai: Đầu là vắng lặng... nêu rõ về lợi ích đạt được Định; sau là kệ ca ngợi về lợi ích phát sinh tuệ, trong đó có hai, một là nhớ lại hạnh vốn có, hai là tụng về đức. Trong tụng lý thật thì tất cả chư Phật quá khứ Thể cùng với Dụng dung hòa, pháp vốn như vậy không có hai, đều ở tại cung điện này thuyết về pháp của Thập Trú, mà nay lại lần lượt chỉ nói đến mười Đức Phật là bởi vì hiển bày về vô tận, bởi vì nói đến Thập Trú.

Ca-diếp là họ, Trung Hoa nói là Âm Quang.

Câu-na-hàm Mâu-ni, Trung Hoa nói là Kim Tiên Nhân.

Câu-lâu-tôn, Trung Hoa nói là Sở Ứng Đoạn Dĩ Đoạn, nghĩa là phiền não sinh tử...

Tỳ Diệp cũng gọi là Tì-xá-phù, Trung Hoa nói là Nhất Thiết Thắng, cũng nói là Biến Hiện, nghĩa là mọi nơi đều hiện thân.

Thi Khí, Trung Hoa nói là Hữu Kế.

Tỳ-bà-thi, Trung Hoa nói là Chủng Chủng Kiến, tên gọi mới là Tịnh Quán.

Phất Sa, Trung Hoa nói là Tăng Thanh, bởi vì không có khuyết giảm, cũng là tên gọi một ngôi sao.

Đề Xá, Trung Hoa nói là Thuyết, nghĩa là thường thuyết pháp, cũng gọi là Quang.

Ba Đầu Ma, Trung Hoa nói là Xích Liên Hoa.

Đỉnh Quang là Phật Nhiên Đăng, Đức Phật này lúc là Thái tử mới đản sinh, tất cả thân mình giống như ngọn đèn đang cháy, cho nên gọi là Thái tử Nhiên Đăng, lúc Thái tử thành Phật cũng dùng tên gọi này.

Hỏi: Trong này, bảy Đức Phật sau là Phật trong kiếp Trang

Nghiêm ở quá khứ, vì sao có thể ở cung trời Đao Lợi trong kiếp Hiền này để mà thuyết pháp?

Đáp: Cung trời này đều có thô-có tế, thô thì kiếp trước đốt cháy không còn, tế thì luôn luôn tồn tại; như trái qua trời người thấy kiếp không còn, nhưng cội này của Ta thường an ổn... Vả lại, Tam thừa đã nói là Diệt, Nhất thừa đã phân rõ là Thường tồn tại.

Thứ hai trong phần lợi ích lên cao trên pháp tòa có hai, đầu là cõi này, sau là kết luận nối thông. Trong phần đầu có hai, đầu là lên cao trên pháp tòa, sau là phân rõ về lợi ích. Nghĩa là cung điện ấy rộng rãi, bởi vì khác với bình thường đã thấy, cho nên tình thức đã tiêu tan. Cùng là cõi trời, vốn là hiển bày về lý giống nhau. Lợi ích lên cao trên cung điện trước đây là con người, lợi ích lên cao trên pháp tòa ở đây là nơi chốn, vốn là hiển bày về Y-Chánh đều thù thắng.
